

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN ĐỔI MỚI VỀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ THUỶ SẢN Ở NƯỚC TA

Phạm Sơn
Viện Khoa học Thống kê

Nước ta nằm trên bờ biển đông có bờ biển chạy dài từ Móng Cái đến Hà Tiên khoảng 3000km với vùng lãnh hải và thềm lục địa rộng trên một triệu km². Có nhiều chủng loại hải sản phong phú sinh sống và trữ lượng cao như: cá, mực, tôm, cua, tảo... Hệ thống sông ngòi chi chít, hầu như tỉnh nào cũng có nhiều sông suối, ao hồ... thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước ngọt. Nhằm khai thác “bể bạc” trời cho, trong những năm gần đây ngành thủy sản nước ta đã có bước tăng trưởng cao, chẳng hạn năm 1990 chúng ta mới đánh bắt được khoảng 90 vạn tấn thủy sản đó là điều mơ ước của nhiều nhà quản lý hoạch định chính sách trong những năm của thập kỷ 80, thì bước sang thiên niên kỷ mới, chúng ta đã đạt trên 2 triệu tấn và riêng năm 2003 đạt 2,79 triệu tấn. Hiện nay thủy sản đã trở thành một trong số những mặt hàng xuất khẩu chiến lược hàng đầu của nước ta (đứng thứ ba, sau dầu thô và dệt may).

Do ngành thủy sản phát triển với tốc độ cao như vậy, nên trong lần sửa đổi bảng phân ngành kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị định số 75/CP ngày 21/10/1993 của Thủ tướng Chính phủ đã đưa ngành thủy sản từ ngành cấp 2 lên ngành cấp 1 ngang hàng với ngành nông nghiệp và lâm nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu thông tin cho các cấp các ngành từ trung ương đến địa phương, trong nhiều năm qua ngành Thống kê đã nghiên cứu ban hành chế độ báo cáo thống kê thủy sản kèm theo quyết định số

657/2002-TCTK của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thống kê; xây dựng phương án điều tra thủy sản ngoài quốc doanh (phương án số 138-TCTK/NN ngày 20/8/1996). Đồng thời trong các cuộc Tổng điều tra nông nghiệp nông thôn (1994, 2001) nhiều thông tin về thủy sản đã được đưa vào nội dung chính của 2 cuộc tổng điều tra này.

Chính nhờ sự cố gắng chung của toàn ngành từ trung ương đến địa phương nên trong nhiều năm qua ngành Thống kê đã thu thập, xử lý và cung cấp nhiều thông tin về thống kê thủy sản, đáp ứng nhu cầu cơ bản của các cấp, các ngành quản lý và hoạch định chính sách từ trung ương đến địa phương góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng ngành thủy sản nước ta.

Tuy nhiên, bên cạnh những cái được hết sức cơ bản trên đây chúng ta phải thừa nhận một thực tế là phương pháp thu thập thông tin thống kê về thủy sản hiện nay qua chế độ báo cáo thống kê định kỳ và điều tra chuyên môn còn bộc lộ một số tồn tại cần được nghiên cứu, cải tiến và từng bước hoàn thiện.

Trước hết, về chế độ báo cáo thống kê định kỳ ban hành theo quyết định số 657/2002/QĐ-TCTK của Tổng cục Thống kê gồm 4 biểu:

Biểu số 17: TS-T nuôi trồng thủy sản

Biểu số 18: TS-T sản lượng sản phẩm thủy sản

Biểu số 19: TS-T giá trị sản xuất thủy sản

Biểu số 20: TS-T đánh bắt hải sản xa bờ

Nhìn chung các biểu từ số 17 đến số 19) chỉ khác nhau phần chủ từ còn phần tân từ có phân tổ theo các loại hình kinh tế. Riêng biểu số 20: TS-T đánh bắt hải sản xa bờ phần chủ từ có một số nội dung cơ bản về phương tiện và sản lượng đánh bắt. Phần tân từ chỉ có số liệu thực hiện 6 tháng hoặc 1 năm (số liệu ở tỉnh).

Qua nghiên cứu nội dung các biểu và bảng giải thích phương pháp tính các chỉ tiêu trong các biểu báo thống kê định kỳ trên đây, chúng tôi xin phát biểu một số nhận xét sau:

Về hình thức văn bản, đây là hệ thống báo cáo thống kê tổng hợp cấp tỉnh gửi về trung ương, nhưng nguồn thông tin dựa vào để tổng hợp tính toán các chỉ tiêu trong các biểu trên thiếu tính hệ thống và ổn định. Đặc biệt là thiếu chế độ báo cáo cơ sở.

Mặt khác biểu 17 nội dung chỉ mới phản ánh “mặt nổi” của nuôi trồng thủy sản như diện tích, số hộ nuôi trồng, số bè lồng, số trang trại và số con giống sản xuất, còn thiếu nhiều chỉ tiêu phản ánh về quy mô, lao động, vốn, trang thiết bị, cũng như một số chỉ tiêu về chi phí, công nghệ... Đây là những chỉ tiêu hết sức quan trọng nhằm đánh giá đúng thực trạng ngành thủy sản nước ta cũng như phân tích sâu về năng suất, chất lượng, hiệu quả về kinh tế thủy sản trong nền sản xuất hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Ngoài ra, phương pháp tính các chỉ tiêu về nuôi trồng thủy sản cũng có những điểm

cần bàn. Cụ thể: chỉ tiêu diện tích nuôi trồng thủy sản như quy định hiện nay chưa phù hợp với đặc điểm nuôi trồng thủy sản ở nước ta. Về diện tích nuôi tôm, quy định của TCTK và Bộ Thủy sản có những điểm khác biệt nên dẫn đến sự khác nhau về số liệu.

Trong biểu 18: TS-T sản lượng sản phẩm thủy sản phân tổ quá gộp, chỉ gồm cá, tôm và thủy sản khác. Trên thực tế sản phẩm thủy sản ở nước ta hết sức đa dạng và phong phú, có nhiều loại thủy sản có giá trị kinh tế cao như: cá ba sa, tôm hùm, ngọc trai, tảo,... chưa được phân tổ riêng biệt để quản lý.

Dùng bảng giá cố định để tính chỉ tiêu giá trị sản xuất thủy sản trong biểu 19 TS-T không thể phản ánh đúng thực trạng của ngành này, vì nhiều chủng loại thủy sản mới và hiện đang phát triển mạnh nhưng không có giá trong bảng giá cố định.

Thêm nữa chế độ báo cáo thủy sản hiện nay quá dàn trải. Theo số liệu báo cáo thủy sản của vụ Thống kê Nông – lâm nghiệp và Thủy sản thì giá trị sản xuất ngành thủy sản chủ yếu tập trung vào 29 tỉnh ven biển (chiếm khoảng 96% giá trị sản xuất), hơn ba mươi tỉnh còn lại chỉ chiếm khoảng 4% giá trị sản xuất ngành thủy sản. Nhưng theo quy định của Báo cáo thống kê định kỳ hiện hành thì tất cả 64 tỉnh trong cả nước phải thực hiện cùng một chế độ báo cáo như nhau. Điều đó chẳng khác nào chiếc áo may sẵn, mặc cho người này thì dài, mặc cho người khác thì ngắn... chẳng hạn các tỉnh ven biển do ngành thủy sản đóng góp một tỷ trọng lớn trong GDP của tỉnh và là mặt hàng xuất khẩu quan trọng, nên cơ quan quản lý đòi hỏi nhiều thông tin về thủy sản và hiển nhiên với chế độ báo cáo thống kê định kỳ như hiện nay, chắc hẳn

không thể đáp ứng được nhu cầu của các cấp quản lý và hoạch định chính sách đối với một ngành kinh tế đang có đà tăng trưởng cao như thủy sản. Ngược lại, các tỉnh miền núi như Cao Bằng, Lai Châu, Hà Giang, mỗi năm đánh bắt được trên dưới 10 ngàn tấn cá sông, hồ, suối cũng phải thực hiện chế độ báo cáo thủy sản như những tỉnh ven biển gây khó khăn và tốn kém lao động và tiền của.

Là một ngành kinh tế cấp 1 đang phát triển mạnh và đang được các cấp các ngành quan tâm, nhưng theo chế độ báo cáo thống kê hiện hành mỗi năm chỉ có số liệu 2 kỳ với tỉnh (6 tháng và cả năm) trong khi đó Tổng cục Thống kê đang tính chỉ tiêu GDP theo quý và hiển nhiên đòi hỏi thống kê thủy sản phải cung cấp số liệu hàng quý để tính các chi tiêu giá trị sản xuất, chi phí chung gian, và giá trị tăng thêm. Do chưa có chế độ báo cáo định kỳ hàng quý về thủy sản nên việc tính toán các chỉ tiêu trên ở các cấp gặp không ít khó khăn.

Về điều tra thống kê thủy sản: Hiện tại ngành Thống kê nước ta chỉ tiến hành điều tra thủy sản qua hai loại hình:

(1) Lồng ghép các chỉ tiêu có liên quan đến ngành thủy sản vào cuộc tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn với hai mục đích chính: thu thập các thông tin cơ bản về hoạt động thủy sản và xây dựng dàn mẫu cho điều tra mẫu về thủy sản giữa hai kỳ tổng điều tra.

Thông tin về thủy sản từ 2 cuộc tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 1994 và năm 2001 không nhiều, chủ yếu thu thập các thông tin về cơ sở sản xuất số lượng lao động, cơ sở vật chất đánh bắt và chế biến thủy sản.

(2) Điều tra thủy sản ngoài quốc doanh. Đây là cuộc điều tra định kỳ hàng năm được tiến hành ở tất cả các tỉnh với các loại hình: hộ gia đình, trang trại, HTX thủy sản, các tổ chức, đoàn thể có đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Nội dung điều tra cũng bao gồm 2 phần: phần 1 thu thập thông tin về điều kiện sản xuất như: diện tích nuôi trồng thủy sản; cơ sở sản xuất giống thủy sản; số lượng lồng bè nuôi thủy sản; cơ sở vật chất đánh bắt thủy sản và lao động cũng như trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho nuôi trồng thủy sản. Phần 2 thu thập các thông tin về kết quả sản xuất thủy sản trong năm (sản lượng thủy sản các loại). Đây là cuộc điều tra kết hợp nhiều phương pháp điều tra trực tiếp, điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu.

Qua nghiên cứu phương án điều tra của Vụ Thống kê Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản ban hành năm 1996 cũng như phương án dự thảo thấy nổi lên một vài vấn đề cần trao đổi.

Trước hết về phạm vi điều tra, có nên chăng phải tiến hành điều tra 64 tỉnh thành phố, hay chỉ điều tra ở 29 tỉnh thành phố có sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản lớn. Nội dung điều tra (phần kết quả sản xuất) mới tập trung thu thập các thông tin về sản lượng thủy sản nuôi trồng và đánh bắt, còn các thông tin khác như tiêu thụ, chi phí, hiệu quả... chưa được đề cập.

Qua nghiên cứu phương pháp thu thập thông tin về thủy sản nước ta hiện nay có thể sơ bộ rút ra một số kết luận sau:

Tuy thủy sản là một trong 2 ngành thuộc khu vực I (nông - lâm nghiệp và thủy sản) song vì mới tách thành ngành cấp I từ 1993 nên chế độ báo cáo và điều tra thủy

sản còn bộc lộ nhiều tồn tại cần được nghiên cứu, hoàn thiện cả 3 lĩnh vực: chế độ báo cáo định kỳ, tổng điều tra và điều tra chuyên môn.

- Về chế độ báo cáo, cũng như điều tra chuyên môn với phạm vi áp dụng chung cho tất cả 64 tỉnh và thành phố như hiện nay dẫn đến tình trạng bất cập. Các tỉnh, thành phố có giá trị sản lượng thủy sản cao các thông tin thu thập được chưa đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành. Ngược lại đối với các tỉnh, thành phố có giá trị sản lượng thủy sản thấp lại mất nhiều công sức thu thập xử lý.

Nội dung thông tin thu thập qua chế độ báo cáo và điều tra mới dừng lại ở mức phản ánh những nét cơ bản của ngành thủy sản, chưa đáp ứng được nhu cầu của các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương đối với ngành kinh tế cấp I.

- Về điều tra chọn mẫu, mẫu điều tra được tiến hành xây dựng theo mẫu phân vùng trên địa bàn huyện (vùng nuôi trồng, vùng đánh bắt và vùng khác) với 3 cấp (xã, thôn và hộ) như hiện nay là quá phức tạp. Nhiều huyện ở trung du và miền núi chủ yếu đánh bắt thủy sản sông suối, nuôi trồng không đáng kể, không có đánh bắt hải sản. Vì vậy tiến hành xây dựng mẫu điều tra quá phức tạp như vậy để làm gì?

Để khắc phục được những tồn tại trên đây và kết hợp nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trong khu vực và tổ chức quốc tế (Thái Lan, Philippin,... FAO) chúng tôi xin kiến nghị:

Một là, đối với các doanh nghiệp thủy sản phải nghiên cứu xây dựng chế độ báo cáo về thống kê thủy sản bao gồm các nội dung sau:

1. Điều kiện sản xuất
2. Lao động
3. Vốn và tài sản
4. Kết quả sản xuất (sản phẩm và giá trị)
5. Chi phí sản xuất

Các cục thống kê sẽ thu thập và xử lý những thông tin các doanh nghiệp theo quý.

Hàng năm, Tổng cục Thống kê phối hợp Bộ Thủy sản tiến hành điều tra mẫu nhằm xác định chỉ tiêu sản phẩm hàng hoá của các doanh nghiệp thủy sản.

Hai là, đối với các cơ sở sản xuất thủy sản chưa đăng ký thành doanh nghiệp, tổ chức thu thập thông tin theo hình thức sau:

- Thống kê huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh phối hợp với ngành thủy sản thu thập số liệu cơ bản về sản xuất thủy sản theo biểu 17: TS-T hiện hành và báo cáo về cục thống kê tỉnh, thành phố để xử lý tổng hợp báo cáo lên Tổng cục Thống kê.

- Đối với 29 tỉnh thành phố có giá trị sản xuất thủy sản lớn hàng năm tiến hành điều tra chọn mẫu theo các nhóm chỉ tiêu:

- + Nhóm thứ nhất về kết quả sản xuất (đánh bắt, nuôi trồng)
- + Nhóm thứ hai về tiêu thụ sản phẩm thủy sản
- + Nhóm thứ ba về cơ sở vật chất và phương tiện nuôi trồng đánh bắt
- + Nhóm thứ tư về vốn và lao động.

- Đối với các tỉnh còn lại, cuộc điều tra chọn mẫu về vấn đề này hoặc lồng ghép vào tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn hoặc 5 năm tiến hành một lần.

Thứ ba, đối với thủy sản đánh bắt xa bờ các Cục Thống kê phối hợp với Sở Thủy sản xây dựng chế độ báo cáo theo từng đội tàu, thuyền trong đó đưa vào đầy đủ các nội dung như cơ sở vật chất, trang thiết bị, lao động, vốn, tài sản, sản lượng đánh bắt và các chỉ tiêu kinh tế khác. Riêng về chỉ tiêu sản lượng thủy sản thương phẩm nên áp dụng phương pháp điều tra của Philipin với tinh thần Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ Thủy sản tiến hành điều tra chọn mẫu ở các cảng cá một cách thường xuyên, có hệ thống theo mẫu phân tổ 1 cấp.

Tổ thứ nhất, điều tra 100% các cảng cá trọng điểm mang tính quốc gia

Tổ thứ hai, điều tra chọn mẫu từ 20%–25% cảng cá trọng điểm của tỉnh

Tổ thứ ba, điều tra khoảng 10%–12% các cảng cá khác■

Tài liệu tham khảo

1. Bảng phân ngành kinh tế quốc dân ban hành kèm theo ND 75/CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/10/1993

2. Chế độ báo cáo thống kê nông – lâm nghiệp và thủy sản ban hành kèm theo quyết định số 657/2002/QĐ-TCTK ngày 2/10/2002

3. Phương án điều tra thủy sản ngoài quốc doanh ban hành theo quyết định 138/TCTK/NN ngày 20/3/1996

4. Hà Quang Tuyền: Một số vấn đề cần được nghiên cứu trao đổi về chế độ thống kê thủy sản Thông tin KHTK số 4-2004

5. Romeo S. Ricade - Hệ thống số liệu thống kê thủy sản Philippin. Tài liệu Hội thảo thống kê nông nghiệp do FAO và Tổng cục Thống kê phối hợp tổ chức tháng 5/2004 tại Hà Nội. Bài dịch của Nguyễn Thái Hà.